TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO PHONG** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HS-ST
Ngày 30 - 01- 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO PHONG - TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đinh Đức Lân

Ông: Vũ Duy Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Phong

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong tham gia phiên tòa:

Bà: Nguyễn Thị Thuận - Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2017/TLST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thượng C Tên gọi khác: Nguyễn Mạnh C

Sinh ngày 14 tháng 01 năm 1977; Nơi sinh: Tại huyện C, tỉnh H; Nơi cư trú: Xóm N- xã T - huyện C - tỉnh H; Nghề nghiệp Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 7/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông. Nguyễn Thượng T, sinh năm: 1941 và con bà Đoàn Thị B, sinh năm 1941

Có vợ Hà Thị H, sinh năm: 1985 và một con sinh năm 2016;

Tiền án, tiền sự: không

Nhân thân:

Ngày 26/6/2000 bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 18 tháng tù giam về tội Cướp giật tài sản và Trốn khỏi nơi giam giữ.

Ngày 14/11/2003 bị Tòa án nhân dân huyện C xử phạt 12 tháng tù giam về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Ngày 20/9/2006 bị Tòa án nhân dân thị xã H xử phạt 54 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản và Công nhiên chiếm đoạt tài sản.

Ngày 23/8/2011 bị Tòa án nhân dân huyện C xử phạt 15 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản.

Ngày 15/01/2013 bị UBND huyện C cưỡng chế cai nghiện bắt buộc 01 năm, sau đó bị đưa đi quản lý sau cai nghiện ma túy, đến ngày 07/7/2015 trở về địa phương.

Bị tạm giam từ ngày 18/11/2017 đến nay (có mặt)

- *Bị hại*:

Anh Vũ Tuấn A - Sinh năm: 1975

Trú tại: Phường A - TP. H - tỉnh H *(Vắng mặt có lý do)*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Chị Hà Thị H - Sinh năm: 1985 (Có mặt)

Trú tại: Xóm N, xã T, huyện C, tỉnh H

2. Anh Nguyễn Thượng M - Sinh năm: 1973 (Có mặt)

Trú tại: Xóm N, xã T, huyện C, tỉnh H

3. Anh Nguyễn Thượng T - Sinh năm: 1981 (Có mặt)

Trú tại: Xóm N, xã T, huyện C, tỉnh H

- *Người tham gia tố tụng khác*:

Người làm chứng:

1. Bà Đoàn Thị B - Sinh năm: 1941 (Vắng mặt không lý do)

Trú tại: Xóm N, xã T, huyện C, tỉnh H

2. Chị Doãn Thị N - Sinh năm: 1973 (Vắng mặt không lý do)

Trú tại: Phường L, TP. H, tỉnh H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10h ngày 18/11/2017 Nguyễn Thượng C trú tại: Xóm N, xã T, huyện C, tỉnh H đang ở nhà bế con thì thấy xe ô tô nhãn hiệu FORTUNER, BKS 89A-001.81 do anh Vũ Tuấn A, sinh năm: 1975, trú tại: Phường A, TP. H, tỉnh H điều khiển đỗ vào sân nhà anh trai C để mua cam. Khi mọi người trên xe xuống hết đã sơ ý không đóng cửa phía trước bên phải, C bế con ra xem ô tô nhìn thấy tập tiền buộc bằng dây nịt để ở vị trí gần cần số xe nên đã nảy sinh ý định trộm cắp. C dùng tay trái thò vào lấy đi toàn bộ số tiền mà anh Vũ Tuấn A để ở đó. Khi lấy tiền C kẹp vào nách sau đó đút vào túi quần rồi bỏ về hướng nhà ở của C thị bị anh Vũ Tuấn A phát hiện đuổi theo. Hai người giằng co, lúc này trên tay C đang bế con còn anh A tóm

được bắp tay C lôi lại. C đưa con cho mẹ là bà Đoàn Thị B sau đó dùng tay phải đấm về phía anh A nhưng anh A tránh được. Khi anh A bỏ tay ra thì C liền bỏ chạy về phía sau nhà.

Trong khi bị tổ công tác Công an huyện C truy đuổi nhiều lần, C đã lẻn về nhà đưa cho vợ là Hà Thị H 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để đưa cho em trai Nguyễn Thượng T, đưa cho anh trai Nguyễn Thượng M 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) để trang trải việc làm ăn nhưng không nói về nguồn gốc số tiền đó. Số tiền còn lại C chi tiêu cá nhân trong khi trốn chạy hết tổng cộng là 70.000đ (Bảy mươi nghìn đồng); C mua 01 (một) đôi dép tổ ong hết 25.000đ (Hai mươi lăm nghìn đồng); mua 01(một) thẻ điện thoại hết 20.000đ (Hai mươi nghìn đồng); mua 01(một) chai nước ngọt hết 10.000đ (Mười nghìn đồng); mua 01 (một) bao thuốc lá Thăng Long hết 10.000đ (Mười nghìn đồng); mua 01 (một) chai rượu hết 5.000đ (Năm nghìn đồng). Đến 18h30’ cùng ngày Nguyễn Thượng C bị Cơ quan CSĐT - Công an huyện C bắt và thu giữ trên người C số tiền 4.280.000đ (Bốn triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280. Ngay sau khi Nguyễn Thượng C bị bắt, Nguyễn Thượng T giao nộp lại số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), Nguyễn Thượng M giao nộp lại 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Tổng số tiền vật chứng thu giữ là 18.280.000đ. Như vậy tổng số tiền mà C đã lấy trộm của anh Vũ Tuấn A là 18.350.000đ *(Mười tám triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).*

Bản Cáo trạng số 01/KSĐT-TA ngày 25/12/2017 của VKSND huyện C - tỉnh H truy tố bị cáo Nguyễn Thượng C về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm đ khoản 2 điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Thượng C phạm tội “Trộm cắp tài sản” áp dụng điểm đ khoản 2 điều 173, điểm b, s khoản 1 điều 51BLHS, Đề nghị xử phạt bị cáo từ 30 đến 36 tháng tù. Xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả lại tài sản cho anh Tuấn A là đúng quy định của pháp luật, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai trái mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố, xét xử đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy

định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Hành vi của bị cáo, qua tranh tụng tại phiên tòa bị cáo thừa nhận, vào hồi 10h ngày 18/11/2017, lợi dụng sơ hở của anh Vũ Tuấn A trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã lén lút thục hiện hành vi chiếm đoạt số tiền 18.350.000đ (Mười tám triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) sau khi lấy được tiền thì bị anh Tuấn A phát hiện và truy đuổi yêu cầu bị cáo trả lại tiền, cùng lúc đó anh Tuấn A đã túm được tay bị cáo nhưng bị cáo không dừng lại mà dùng tay phải đấm anh Tuấn A nhưng anh Tuấn A tránh được và tuột tay ra và bị cáo tiếp tục tẩu thoát.

[3] Về lỗi của bị cáo: Khi thực hiện các hành vi nêu trên, bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, thấy trước hậu quả đồng thời ngăn cản sự truy đuổi của người khác và mong muốn chiếm đoạt bằng được tài sản. Do đó lỗi của bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp.

Từ những nhận xét nêu trên có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Nguyễn Thượng C đã đủ cấu thành Tội trộm cắp tài sản được quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Do bị cáo đã có hành vi dùng vũ lực ngăn cản người khác nhằm chiếm đoạt bằng được tài sản của bị cáo đã vi phạm điểm đ khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự 1999 là đúng người, đúng pháp luật. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Về nhân thân bị cáo đã nhiều lần bị Tòa án xét xử và kết án, nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và sẽ bị xử lý nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi, muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài nên đã cố ý phạm tội. Hành vi đó thể hiện sự coi thường pháp luật, xem thường quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương, gây bức xúc trong nhân dân, vì vậy việc truy tố và đưa bị cáo ra xét xử là cần thiết để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã có 4 tiền án và 1 tiền sự nhưng theo quy định tại Điều 70 Bộ Luật Hình sự 2015 những tiền án và tiền sự của bị cáo đã đương nhiên xóa án tích, do vậy bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn, hối cải, tài sản đã được thu hồi trả cho người bị hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt như trên là có căn cứ phù hợp với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp về trách nhiệm hình sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt là 18.350.000 đ *(Mười tám triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng)* đã thu hồi trả cho anh Vũ Tuấn An, anh Tuấn A không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Đối với hành vi dùng tay đấm vào người anh Tuấn A trong quá trình đuổi bắt anh Tuấn Akhông bị thương tích. Quá trình điều tra người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

[7] Đối với chị Hà Thị H khi sự việc xảy ra có mặt ở đó, sau đó biết Cường có hành vi trộm cắp tiền của anh Vũ Tuấn A và được C đưa cho số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để đưa lại cho em trai là Nguyễn Thượng T mang giao nộp cho Cơ quan Công an, còn Nguyễn Thượng M được Cường đưa cho số tiền 4.000.000đ *(Bốn triệu đồng)* nhưng không nhận thức được số tiền đó do trộm cắp mà có, M đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra. Như vậy chị Hà Thị H, anh Nguyễn Thượng M, Nguyễn Thượng T không đồng phạm với hành vi phạm tội của C nên Cơ quan CSĐT không đề cập xử lý là có căn cứ.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm đ khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Khoản 2 Điều 135 Bộ Luật Tố tụng hình sự 2015; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng lệ phí, án phí tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Thượng C** (Tức Nguyễn Mạnh C) phạm tội: "**Trộm cắp tài sản**".

Xử phạt: Nguyễn Thượng C **30 (Ba mươi)** tháng tù giam.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (18/11/2017).

Án phí: Bị cáo Nguyễn Thượng C phải chịu 200.000 đồng *(hai trăm ngàn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo theo luật định, người vắng mặt (*bị hại người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*) có quyền làm đơn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết tại trụ sở UBND nơi thường trú.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Viện kiểm sát ND huyện CP;
- Tòa án ND tỉnh Hòa Bình;
- Phòng 7 - VKSND tỉnh HB;
- Sở tư pháp tỉnh HB;
- CQCSĐT CA huyện Cao Phong;
- Đội THAHS và HTTP CA huyện CP;
- Chi cục THA dân sự huyện Cao Phong;
- THA hình sự;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**